

# XÂY DỰNG PHÁP LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

NGUYỄN VĂN THỌ\*

*Việc xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, coi trọng. Ứng dụng chuyển đổi số vào giáo dục - đào tạo thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ phương thức dạy và học; quản lý nhà nước về giáo dục và quản trị nhà trường; hình thành nền tảng số cho xã hội học tập; tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt với chi phí thấp cho người dân, góp phần tạo chuyển biến về chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân trong xu thế mới.*

*Từ khóa: Xây dựng pháp luật; chuyển đổi số; lĩnh vực giáo dục - đào tạo; quản lý nhà nước.*

*Law building to meet the requirements of the digital transformation in the education and training sector has always gained attention of the Communist Party of Viet Nam and the State. Digital transformation in the education and training sector promotes strong innovation in teaching and learning methods, state management of education and school administration; forms a digital foundation for a learning society; creates opportunities for people to access affordable good quality education; make changes in the quality and effectiveness of the national education system in the new trend.*

*Keywords: Law building; digital transformation; the field of education and training; state management.*

NGÀY NHẬN: 06/9/2022

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 08/10/2022

NGÀY DUYỆT: 16/11/2022

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hóa đang đặt ra nhiều thách thức cũng như cơ hội cho đất nước. Sự bùng nổ về công nghệ đang mở ra một kỷ nguyên mới cho ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT). Xu hướng giáo dục đang dần thay đổi, thông minh hơn, nhanh nhạy và tốn ít chi phí hơn; phương pháp giảng dạy học tập từ truyền thống sang phương pháp giảng dạy tích cực, giúp người dạy và người học phát huy được khả năng tư duy, sáng tạo, sự chủ động và đạt hiệu quả. Từ mô hình lớp học tập trung đã

dần chuyển sang các mô hình dạy học trực tuyến, sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông để hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, học tập. Qua đó, người học có thể tiếp cận tri thức mọi nơi, mọi lúc, có thể chủ động trong việc học tập và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Sự bùng nổ về công nghệ đã, đang và sẽ tạo ra những phương thức giáo dục phi truyền thống, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của nền giáo dục mang tính chuyển đổi sâu sắc vì con người.

\* ThS, Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk

### 2. Xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, coi trọng phát triển ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xác định đây là động lực góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới, tạo khả năng đi tắt, đón đầu để thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế với quan điểm: *“Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, song có trọng tâm, trọng điểm. Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công, trước hết là trong lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp, người dân như giáo dục, y tế, giao thông, nông nghiệp...”*. Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, theo đó, giáo dục là lĩnh vực được ưu tiên CDS thứ 2 sau lĩnh vực y tế. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của giáo dục và CDS trong lĩnh vực GDĐT đóng vai trò hết sức quan trọng, không chỉ đối với ngành mà còn tác động rất lớn đối với đất nước<sup>1</sup>. Đặc biệt, ngày 25/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Trên cơ sở các chủ trương trên, Bộ GDĐT đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện, như: Quyết định số 5153/2018/QĐ-BGDĐT ngày 30/11/2018 thành lập Ban Chỉ đạo về chính phủ điện tử Bộ GDĐT; Quyết định số 501/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2020 ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học; Quyết định số 4919/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2020 phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025

của Bộ GDĐT; Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ BGDĐT; Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu GDĐT với mục đích nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý GDĐT, như: công tác báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo và thanh tra, kiểm tra trong ngành GDĐT dựa trên nền tảng dữ liệu lớn và công nghệ số.

Tiếp đó, hàng loạt chính sách thúc đẩy CDS GDĐT được ban hành, dần hoàn thiện hành lang pháp lý như các quy định ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng, quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học, quy định quản lý, vận hành sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành, mô hình ứng dụng CNTT trường phổ thông, chuẩn dữ liệu kết nối; hướng dẫn nhiệm vụ CNTT cho khối đại học, phổ thông hằng năm. Như vậy, xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu CDS trong lĩnh vực GDĐT là nhu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

### 3. Thực trạng chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo

Nhiệm vụ của ngành GDĐT trong “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg là: *“Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học”*.

Như vậy, CDS trong ngành GDĐT được ứng dụng dưới 3 hình thức: (1) *Ứng dụng công nghệ: cơ sở vật chất lớp học, công cụ giảng dạy*; (2) *Ứng dụng công nghệ trong phương pháp dạy học: áp dụng các xu hướng giáo dục công nghệ như lớp học thông minh, game hóa, lập trình...*; (3) *Ứng dụng công nghệ trong quản lý: công cụ quản lý và vận hành.*

CDS trong GDĐT tập trung vào hai nội dung chủ đạo là: (1) *Trong quản lý giáo dục*, bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu, ..) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định một cách nhanh chóng, chính xác. (2) *Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá*, gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo.

Xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu CDS trong lĩnh vực GDĐT cần chú trọng đến vấn đề chính: *công nghệ; con người, học liệu, phương pháp học tập; quản trị và chính sách.* Cụ thể, quản trị từ Bộ đến các nhà trường phải thay đổi, kèm theo đó là chính sách kịp thời để công nhận kết quả ứng dụng được từ CNTT và CDS. CDS sẽ hỗ trợ đổi mới trong ngành GDĐT theo hướng giảm thuyết giảng, truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hóa việc học, góp phần tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời. Người học tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn, bỏ qua về giới hạn khoảng cách, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả. Thông qua CDS, người học có thể tiếp cận những nguồn tài liệu khổng lồ, tiết kiệm thời gian và chi phí; đồng thời, dễ dàng tìm kiếm thông tin và khai thác chuyên sâu các khía cạnh mà người học quan tâm.

Qua thời gian thực hiện CDS, đến nay, ngành GDĐT đã đạt được những kết quả như: *trong quản lý giáo dục*, toàn ngành đã

triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ trung ương đến 63 sở GDĐT, 710 phòng GDĐT và khoảng 53.000 cơ sở giáo dục. Hiện nay, đã số hóa và định danh dữ liệu của khoảng 53.000 trường học, 1,4 triệu giáo viên, 23 triệu học sinh. Khối phổ thông khoảng 82% các trường sử dụng phần mềm quản lý trường học, số điểm điện tử, học bạ điện tử và hầu hết các cơ sở giáo dục đại học đều sử dụng phần mềm quản trị nhà trường. Hệ thống quản lý hành chính điện tử kết nối 63 sở GDĐT và hơn 300 trường đại học, cao đẳng trên cả nước với Bộ GDĐT hoạt động thông suốt, ổn định, phát huy hiệu quả tích cực<sup>2</sup>.

Về *dạy - học*, giáo viên toàn ngành được huy động tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số toàn ngành với 7.000 bài giảng điện tử, 200 đầu sách giáo khoa phổ thông, thí nghiệm ảo. Cụ thể, trong đại dịch Covid-19, các trường học phải tạm dừng đóng cửa, với phương châm “dừng đến trường, không ngừng học”, có đến 80% trường học đã nhanh chóng chuyển sang dạy học trực tuyến, nhờ đó, nhiệm vụ năm học 2019 - 2020; 2020 - 2021 đã hoàn thành mà vẫn bảo đảm sức khỏe cho người học và viên chức toàn ngành. Bộ GDĐT cũng hợp tác để xây dựng và phát triển kho học liệu số dùng chung (bao gồm cả học liệu mở) với khoảng 5.000 bài giảng e-learning, 2.000 video bài giảng trên truyền hình, 200 thí nghiệm ảo, 200 đầu sách giáo khoa, 35.000 câu hỏi trắc nghiệm và trên 7.500 luận án tiến sỹ... góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh học tập suốt đời<sup>3</sup>.

Về *nhân lực số*, ở bậc phổ thông, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, môn tin học sẽ được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 3; giáo dục STEM được lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống. Trong giáo dục đại học, triển khai cơ chế đặc thù đào tạo nhân lực CNTT, qua đó, giúp các cơ sở đào tạo gia

tăng cơ hội hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế để huy động các nguồn lực của xã hội tham gia vào quá trình đào tạo nhân lực CNTT, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng nhân lực ở các doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội<sup>4</sup>.

Ngành GDĐT đang phối hợp chặt chẽ với Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ để ứng dụng các nền tảng số, huy động cộng đồng chung tay, đóng góp cho ngành GDĐT: nền tảng “antoancovid.vn” nhằm công khai minh bạch các điều kiện sẵn sàng ứng phó dịch Covid-19 ở các nhà trường; nền tảng “inhandao.vn” để huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ, tài trợ cho những học sinh, giáo viên, nhà trường còn đang khó khăn trong tổ chức dạy học. Như vậy, công nghệ số còn giúp cộng đồng hỗ trợ ngành GDĐT khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

#### 4. Những khó khăn trong quá trình xây dựng pháp luật

*Một là*, CDS kéo theo những thay đổi về cơ sở pháp lý, đòi hỏi một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và quy phạm nội bộ đầy đủ, đồng bộ. Việc xây dựng và ban hành chính sách đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng và khoa học. Thời gian qua, việc tạo dựng cơ sở pháp lý cho CDS trong ngành GDĐT chủ yếu chỉ hướng đến quy định về tổ chức đào tạo, quản lý dữ liệu. Tuy nhiên, còn tồn tại rất nhiều lỗ hổng liên quan đến cơ sở pháp lý chưa đầy đủ, như: danh mục các thông tin thuộc diện bắt buộc khai báo, nhập liệu - phân biệt với thông tin cá nhân riêng tư thuộc quyền cá nhân; bản quyền của các bài giảng điện tử; quy định khai thác cơ sở dữ liệu, kho học liệu số; tính pháp lý của hồ sơ điện tử nói chung và sổ điểm, học bạ điện tử nói riêng ở phạm vi toàn quốc.

*Hai là*, chưa hoàn thiện được các văn bản pháp luật tạo hành lang pháp lý liên quan đến thu thập, chia sẻ, khai thác dữ liệu quản lý giáo dục và học liệu số, như: quy định danh mục các thông tin thuộc diện bắt buộc khai

báo, nhập liệu - phân biệt với thông tin cá nhân riêng tư thuộc quyền cá nhân; quy định quyền tác giả cho các bài giảng điện tử (trường hợp nào được sử dụng, điều kiện gì, sử dụng toàn bộ hay một phần); quy định khai thác cơ sở dữ liệu, kho học liệu số (những ai được quyền khai thác, khai thác gì, mức độ đến đâu, điều kiện gì, ai thẩm định, ai cho phép); quy định tính pháp lý của hồ sơ điện tử nói chung và sổ điểm, học bạ điện tử nói riêng (đặc biệt trong trường hợp chuyển cấp, chuyển trường ở phạm vi toàn quốc).

*Ba là*, chưa hoàn thiện các quy định chuyên ngành GDĐT, cụ thể như: quy định chương trình học trực tuyến, thời lượng học, kiểm tra đánh giá trực tuyến, kiểm định chất lượng học trực tuyến, công nhận kết quả học trực tuyến; quy định điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng; cơ sở dữ liệu số hóa chuyên ngành (dữ liệu người học, dữ liệu giáo viên, giảng viên, học liệu...) còn thiếu đầu tư vào nhân lực cũng như tài chính để bảo đảm cho việc số hóa. Việc xây dựng kho học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học điện tử, phần mềm ứng dụng mô phỏng) chưa đồng bộ, còn lãng phí, mất thời gian, công sức và tài chính.

*Bốn là*, cơ sở vật chất, hạ tầng mạng, trang thiết bị, đường truyền, internet... còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ, nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu cho CDS.

#### 5. Một số giải pháp

Từ việc phân tích các hạn chế trên, trong thời gian tới, để xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu CDS trong lĩnh vực GDĐT cần tiến hành các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, cụ thể hóa chủ trương, định hướng pháp lý thành kế hoạch quốc gia về CDS trong GDĐT với những mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, giải pháp, nguồn lực, lộ trình cùng cơ chế giám sát và đánh giá cụ thể. Các chính sách cần sớm được ban hành, như:

chính sách tạo lập, khai thác và sử dụng các OER, MOOC; chính sách phát triển hạ tầng ICT phù hợp với yêu cầu phát triển của CDS; chính sách tài chính để bảo đảm sự phát triển bền vững của CDS về GDĐT.

*Thứ hai*, hoàn thiện chính sách về quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu quản lý giáo dục (quy định về chia sẻ, khai thác dữ liệu; hoàn thiện hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển hình thức dạy - học trực tuyến qua mạng; chính sách quản lý các khóa học trực tuyến bảo đảm chất lượng,...).

*Thứ ba*, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện CDS trong toàn ngành, đến từng địa phương, nhà trường, giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý; xây dựng văn hóa số trong ngành.

*Thứ tư*, tiếp tục đẩy mạnh triển khai chính phủ điện tử, hướng đến chính phủ số. Trong đó chú trọng triển khai hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành GDĐT (giáo dục phổ thông và giáo dục đại học) kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ trung ương đến địa phương, nhà trường và đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia; thực hiện số hóa triệt để, sử dụng văn bản điện tử, sổ sách học bạ số điểm điện tử thay thế văn bản, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn được thực hiện chủ yếu trên môi trường mạng.

*Thứ năm*, tăng cường kết hợp công nghệ như Big Data, AI, Blockchain... với cơ sở dữ liệu số chuyên ngành nhằm xây dựng các hệ thống thu thập thông tin đưa ra các dự báo, dự đoán và tạo ra các ứng dụng, dịch vụ phù hợp đến từng đối tượng người học.

*Thứ sáu*, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật mạng đồng bộ, thiết bị CNTT thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập bình đẳng giữa các vùng, miền; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ và huy động nguồn lực xã hội hóa cùng tham gia thực hiện.

*Thứ bảy*, thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, nghiên cứu khoa học); hình thành kho học liệu số, học liệu mở dùng chung toàn ngành, liên kết với quốc tế, đáp ứng nhu cầu tự học, học tập suốt đời; tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng các mô hình GDĐT mới dựa trên các nền tảng số.

*Thứ tám*, triển khai mạng xã hội giáo dục có sự kiểm soát và định hướng thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường, gia đình, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên; phát triển các khóa học trực tuyến mở; triển khai hệ thống học tập trực tuyến dùng chung toàn ngành phục vụ công tác bồi dưỡng giáo viên, hỗ trợ dạy học cho các vùng khó khăn.

*Thứ chín*, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu CDS □

**Chú thích:**

1. *Tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với giáo dục - đào tạo trong giai đoạn hiện nay.* <https://truongnoivu-csmn.edu.vn>, truy cập ngày 10/5/2022.

2, 3, 4. *Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: thực trạng và giải pháp.* <https://hvc-snd.edu.vn>, ngày 20/4/2021.

**Tài liệu tham khảo:**

1. *Chuyển đổi số để vận hành giáo dục hiệu quả, chất lượng hơn.* <https://moet.gov.vn>, ngày 23/11/2021.

2. *Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số ở Việt Nam.* <http://egov.chinhphu.vn>, truy cập ngày 09/5/2022.

3. *Xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.* <https://moet.gov.vn>, ngày 23/12/2021.

4. *Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Đề án “Tăng cường công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”.*